TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-PT
Ngày 07/01/2021
*"*V/v *tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.
Thẩm phán thành viên: 1. Ông Trần Việt Trung;
2. Ông Lê Thiết Hùng.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Khu phố A, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Kim P; địa chỉ: Khu phố A, phường G, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

3. Người làm chứng:

- Ông Lê Văn T; địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố Đ, Quảng Trị, có mặt.

- Ông Nguyễn Minh T; địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố Đ, Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 27/7/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Năm 2017, bà H và ông P có quan hệ mua bán hàng hóa. Ngày 08/8/2017, bà H đặt cọc trước cho ông P số tiền 60.000.000đồng để ông P cung cấp hàng hóa theo yêu cầu. Đến ngày nhận hàng ông P không có hàng để giao nên cam kết sẽ trả lại tiền gốc cho bà H chậm nhất cuối năm 2017.

Trong thời gian này, ông P làm nhà nên bà H cho ông P mượn số tiền 150.000.000đồng trả lãi suất theo ngân hàng và cho ông P mượn số tiền 70.000.000đồng để mua xe. Ông P hẹn trả trong thời hạn 02 tháng và giao giấy

CNQSD đất số CD 995254 cấp ngày 03/3/2017 của hộ ông P cho bà H giữ. Tổng số tiền ông P nợ bà H là 280.000.000đồng.

Ngày 24/8/2017, bà H và ông P lập bản xác nhận công nợ và phương án trả nợ, nội dung cụ thể: *Ngày 28/8/2017, ông P trả cho bà H số tiền 150.000.000 đồng; ngày 28/8/2017 ông P trả trước số tiền 30.000.000đồng trong số tiền 70.000.000đông nợ mua xe, còn số tiền 40.000.000đồng xin trả sau; số tiền nợ 60.000.000đồng giao hàng hoặc trả tiền mặt*. Ngày 29/8/2017 ông P trả nợ cho bà H số tiền 180.000.000đồng và bà H trả cho ông P giấy CNQSD đất số CD 995254 cấp ngày 03/3/2017 cho ông P.

Đến nay ông P còn nợ bà H số tiền mượn làm nhà và mua xe là 40.000.000đồng và số tiền đặt cọc mua hàng là 60.000.000đồng. Tổng số tiền nợ 100.000.000đồng. Bà H nhiều lần đòi nợ, nhưng ông P không trả nợ. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu ông P trả nợ số tiền 100.000.000đồng.

** Bị đơn Ông Hoàng Kim P trình bày:*

Trước năm 2017, vợ ông P là bà N có kinh doanh buôn bán với bà H. Do thời gian quá lâu ông P không nhớ có còn nợ không nên ông P đồng ý trả nợ tại phiên hòa giải của Tòa án cấp sơ thẩm. Sau khi kiểm tra lại ông P cho rằng bà N vợ ông P đã thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên cho bà H. Bản xác nhận công nợ ngày 24/8/2017 ông P không cất giữ. Việc bà H cho rằng ông P còn nợ số tiền 100.000.000đồng thì yêu cầu bà H xuất trình bản gốc xác nhận công nợ. Vì vậy, ông P không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của TAND thành phố Đ đã quyết định:*

Áp dụng khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 95, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu buộc bị đơn ông Hoàng Kim P thanh toán số tiền 100.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

** Ngày 06/10/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo với nội dung:*

Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ chưa xem xét yêu cầu khởi kiện của bà H một cách khách quan tài liệu, chứng cứ và chưa xác minh làm rõ sự thật vụ án. Ông P đã thừa nhận nợ số tiền 100.000.000đồng tại phiên hòa giải lần đầu. Phiên hòa giải lần 02 lại không thừa nhận. Bà H cung cấp cho Tòa án bản nhận nợ photo, còn bản gốc bà H đã giao cho ông P cất giữ có những người làm chứng biết sự việc, nhưng Tòa án không xem xét theo khoản 4 Điều 94 BLTTDS. Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc Ông Hoàng Kim P phải trả nợ cho Bà Nguyễn Thị H số tiền 100.000.000 đồng theo Bản xác nhận công nợ ngày 24/8/2017.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị có ý kiến như sau:*

Quá trình thụ lý xét xử vụ án: Các Thẩm phán, Thư ký cấp phúc thẩm chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H và sửa bản án sơ thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ. Buộc Ông Hoàng Kim P trả cho Bà Nguyễn Thị H số tiền 40.000.000đồng.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Tại phiên tòa vắng mặt người làm chưng ông Nguyễn Minh T, nhưng ông T có đơn xin xét xử vắng mặt và đã có văn bản trình bày trong hồ sơ vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 229 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

- Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Căn cứ Điều 271, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo và việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn quy định. Chấp nhận xem xét giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ khoản 3 Điều 26 của BLTTDS, Hội đồng xét xử xác định quan hệ *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy:

Bà H khởi kiện yêu cầu buộc ông P phải trả số tiền 100.000.000 đồng theo bản xác nhận công nợ ngày 24/8/2017, trong đó: Số tiền 40.000.000đồng nợ làm nhà, mua xe và số tiền 60.000.000 đồng tiền nợ đặt cọc tiền. Ngày 15/9/2020, tại phiên hòa giải của Tòa án cấp sơ thẩm ông P đã thừa nhận khoản nợ trên và thỏa thuận trả nợ dần đến ngày 31/12/2016, nhưng bà H không chấp nhận và không ký vào biên bản hòa giải thành. Tại phiên hòa giải ngày 18/9/2020 của Tòa án cấp sơ thẩm, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm ông P cho rằng không nợ tiền của bà H. Do thời gian quá lâu không nhớ nên ông P nghĩ vợ là bà N còn nợ nên có thỏa thuận trả nợ bà H, nhưng sau khi kiểm tra lại thì bà N đã trả nợ cho bà H. Căn cứ khoản 1 Điều 95 BLTTDS quy định xác định chứng cứ là tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan có thẩm quyền cung cấp xác nhận. Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà H cung cấp cho Tòa án bản xác nhận công nợ ngày 24/8/2017 là bản phô tô nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có cơ sở.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết phúc thẩm, bà H cung cấp tài liệu chứng cứ là bản gốc thể hiện nội dung: *"28/8/2017 anh Phước, chị Nhàn trả 180.000.000đồng. Nợ lại 40.000.000đồng trả sau"*. Người nhận tiền bà Nguyễn Thị H và người trả tiền ông Hoàng Kim P ký, ghi họ tên. Tại Kết luận giám định số 01/KLGĐ-PC09 ngày 15/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị kết luận: Chữ ký dưới mục người trả tiền trên tài liệu cần giám định với chữ ký mang tên Hoàng Kim P trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký ra. Như vậy, tài liệu chứng cứ là bản gốc thể hiện ông P đã ký nhận nợ số tiền 40.000.000đồng của bà H trong tổng

số tiền 100.000.000đồng do bà H khởi kiện theo bản xác nhận công nợ ngày 24/8/2017 bản phô tô. Đây là chứng cứ mới do bà H cung cấp chứng minh nên Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc ông P phải trả cho bà H số tiền 40.000.000đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H và sửa bản án sơ thẩm. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị H. Buộc bị đơn Ông Hoàng Kim P phải trả cho Bà Nguyễn Thị H số tiền 40.000.000đồng.

[3] Về án phí và chi phí trưng cầu giám định:

- Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Buộc Bà Nguyễn Thị H phải chịu 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000671 ngày 05/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ và số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0000753 ngày 07/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ. Bà H tiếp tục nộp số tiền 200.000 đồng.

- Buộc Ông Hoàng Kim P phải chịu số tiền 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và số tiền 6.000.000 đồng chi phí trưng cầu giám định. Do Bà Nguyễn Thị H đã nộp số tiền chi phí trưng cầu giám định nên Ông Hoàng Kim P phải hoàn trả cho Bà Nguyễn Thị H số tiền 6.000.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 161, khoản 1 Điều 162 của BLTTDS năm 2015; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H và sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H. Buộc bị đơn Ông Hoàng Kim P phải trả cho nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H về việc buộc bị đơn Ông Hoàng Kim P phải trả cho nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H số tiền 60.000.000đồng.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Buộc Bà Nguyễn Thị H phải chịu 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000671 ngày 05/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ và số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0000753 ngày 07/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ. Bà H tiếp tục nộp số tiền 200.000 đồng.

- Buộc Ông Hoàng Kim P phải chịu số tiền 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và số tiền 6.000.000 đồng chi phí trưng cầu giám định. Do Bà Nguyễn Thị H đã nộp số tiền chi phí trưng cầu giám định nên Ông Hoàng Kim P phải hoàn trả cho Bà Nguyễn Thị H số tiền 6.000.000đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKS tỉnh Quảng Trị;
- TAND thành phố Đ;
- Chi CTHADS thành phố Đ;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV; Tổ HCTP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà